

Phần: 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

| | | |
|---|---|--|
| Tên sản phẩm | : | LEMON-EZE |
| Các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất | : | Không áp dụng. |
| Mục đích sử dụng | : | Chất tẩy rửa |
| Hạn chế khi sử dụng | : | Tham khảo tài liệu về sản phẩm có sẵn hoặc hỏi Đại diện bán hàng tại khu vực của bạn để biết các hạn chế về việc sử dụng và giới hạn |
| Thông tin về sản phẩm pha loãng | : | Sản phẩm dùng ngay. |
| Công ty | : | CÔNG TY TNHH ECOLAB VIỆT NAM Tầng 8, Phòng 8.2B, Tòa nhà E.TOWN 2, số 364, đường Cộng Hòa, Phường 13 Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam TEL: +84 28 3528 5100 FAX: +84 28 3528 5101 |
| Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp | : | +(84)-444581938 |
| Ngày tháng phát hành đầu tiên | : | 23.06.2021 |

Phần: 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**Phân loại theo GHS**

| | | |
|--|---|--------|
| Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt | : | Cấp 2A |
| Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh | : | Cấp 2 |

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

: Cảnh báo

Cảnh báo các nguy cơ

: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Độc đối với sinh vật thủy sinh.

Bản tuyên bố các biện pháp phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa:
Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường. Đeo các thiết bị bảo vệ mặt/ mắt.

Sơ cứu/Cấp cứu:
NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt tiếp tục kéo dài: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Việc thải bỏ:
Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

LEMON-EZE

Các nguy cơ khác : Được biết là chưa xảy ra.

Phần: 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất/Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

| Tên hóa học | Số CAS | Nồng độ: (%) |
|--|------------|--------------|
| alpha-Alkyl(C12-13)-omega-hydroxypoly(oxyethylene) | 66455-14-9 | 3 - 5 |
| Alkyl(C10-16)benzenesulfonic acid | 68584-22-5 | 3 - 5 |
| Cồn Ethoxylate | 68439-46-3 | 1 - 1.5 |

Phần: 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước, và cả các mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Ngay lập tức rửa sạch bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Giặt sạch quần áo trước khi tái sử dụng, Giặt sạch giày trước khi tái sử dụng. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Xúc miệng bằng nước. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Chuyển đến nơi thoáng khí. Điều trị theo triệu chứng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.
- Bảo vệ người sơ cứu : Nếu có nguy cơ bị nhiễm thì hãy đọc chương 8 về trang bị bảo hộ cá nhân.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị theo triệu chứng.
- Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, cả cấp tính và lâu dài : Xem phần 11 để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khỏe.

Phần: 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện cứu hỏa phù hợp : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Được biết là chưa xảy ra.
- Các nguy cơ cụ thể khi cứu hỏa : Tiếp xúc với các sản phẩm phân hủy có thể là một nguy cơ đối với sức khỏe.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : sản phẩm phân hủy bao gồm các chất sau
Carbon ôxit
Ôxit lưu huỳnh
Silicon dioxide/ Silica
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

LEMON-EZE

Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương. Trong trường hợp cháy và/hoặc nổ, không hít thở khói.

Phần: 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Sự phòng ngừa, các thiết bị bảo hộ cá nhân và quy trình ứng phó khẩn cấp : Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực hoá chất bị tràn đổ/rò rỉ và tránh hướng gió thổi. Tránh hít phải, nuốt phải hoặc tiếp xúc với da và mắt. Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn. Việc làm sạch chỉ được thực hiện bởi nhân viên đã huấn luyện Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.

Các cảnh báo về môi trường : Không để tiếp xúc với đất, nước mặt và nước ngầm.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch : Ngưng chỗ rò rỉ nếu có thể thực hiện một cách an toàn. Ngăn chặn sự tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13). Đối với vùng loang rộng, đào rãnh quanh vật liệu bị tràn hoặc nếu không thì ngăn chặn vật liệu lại không cho chảy vào nguồn nước. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.

Phần: 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không được ăn. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không được hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi nước. Chỉ sử dụng khi có đủ sự thông gió. Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Không để hóa chất rơi vào mắt, lên da, hoặc quần áo. Nếu máy móc không hoạt động bình thường, hay khi tiếp xúc với sản phẩm mà không biết độ pha loãng, hãy mặc đồ bảo hộ lao động (PPE).

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Để xa tầm tay của trẻ. Đóng chặt thùng chứa. Bảo quản trong thùng chứa phù hợp có dán nhãn.

Nhiệt độ lưu giữ : 0 °C tới 50 °C

Phần: 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có giới hạn kiểm soát nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Hệ thống ống thông gió hiệu quả. Giữ nồng độ trong không khí thấp hơn tiêu chuẩn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt : Kính bảo hộ
Mạng che mặt

Bảo vệ tay : Mặc những thiết bị bảo hộ cá nhân sau:
Loại găng chuẩn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

LEMON-EZE

| | |
|-----------------------|---|
| | cao su butyl Cao su nitrile. Găng tay neoprene PVC Cần loại bỏ và thay thế găng tay nếu thấy bất kỳ dấu hiệu xuống cấp hoặc thủng nào. |
| Bảo vệ da | : Thiết bị bảo hộ cá nhân bao gồm: găng bảo hộ thích hợp, kính an toàn và quần áo bảo hộ |
| Bảo vệ hô hấp | : Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn. |
| Các biện pháp vệ sinh | : Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Rửa sạch mặt, tay và bất kỳ phần da nào đã tiếp xúc với hoá chất thật kỹ sau khi thao tác. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện cho việc làm ướt hoặc dội nước nhanh cho mắt và cơ thể trong trường hợp có tiếp xúc hoặc nguy cơ bị văng hóa chất. |

Phần: 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

| | |
|------------------------------------|---|
| Trạng thái | : Bùn |
| Màu sắc | : mờ đục, màu trắng |
| Mùi | : Mùi chanh |
| Độ pH | : 1.4 - 2.5, (100 %) |
| Điểm cháy | : Không áp dụng., Không duy trì sự cháy |
| Ngưỡng mùi | : chưa có dữ liệu |
| Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc | : chưa có dữ liệu |
| Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu | : 100 °C |
| Tỷ lệ hóa hơi | : chưa có dữ liệu |
| Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) | : Không áp dụng. |
| Ngưỡng nổ trên | : chưa có dữ liệu |
| Ngưỡng nổ dưới | : chưa có dữ liệu |
| Áp suất hơi | : chưa có dữ liệu |
| Tỷ trọng hơi tương đối | : chưa có dữ liệu |
| Tỷ trọng tương đối | : 1.2 - 1.3 |
| Khả năng hòa tan trong nước | : không tan |
| Độ hòa tan trong các dung môi khác | : chưa có dữ liệu |
| Hệ số phân tán: n-octanol/nước | : chưa có dữ liệu |
| Nhiệt độ tự bốc cháy | : chưa có dữ liệu |
| Phân hủy do nhiệt | : chưa có dữ liệu |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

LEMON-EZE

| | |
|---------------------|---|
| Độ nhớt, động học | : chưa có dữ liệu |
| Đặc tính cháy nổ | : chưa có dữ liệu |
| Đặc tính oxy hóa | : Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa. |
| Trọng lượng phân tử | : chưa có dữ liệu |
| VOC | : chưa có dữ liệu |

Phần: 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

| | |
|---------------------------------------|---|
| Tính phản ứng | : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường. |
| Tính ổn định | : Ổn định trong các điều kiện thông thường. |
| Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại | : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường. |
| Các điều kiện cần tránh | : Được biết là chưa xảy ra. |
| Vật liệu không tương thích | : Bazo Các kim loại |
| Các sản phẩm phân hủy nguy hại | : Khi có cháy sẽ tạo ra các sản phẩm phân hủy nguy hại như: Carbon ôxit Ôxit lưu huỳnh Silicon dioxide/ Silica |

Phần: 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các con đường phơi nhiễm có thể : Hít phải, Tiếp xúc với mắt, Tiếp xúc với da

Các ảnh hưởng tiềm tàng tới sức khỏe

| | |
|---------------------|--|
| Mắt | : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. |
| Da | : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường. |
| Ăn uống | : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường. |
| Hít phải | : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường. |
| Phơi nhiễm Mãn tính | : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường. |

Kinh nghiệm về phơi nhiễm ở người

| | |
|------------------|---|
| Tiếp xúc với mắt | : đỏ, Đau, Kích ứng |
| Tiếp xúc với da | : Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có. |
| Nuốt phải | : Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có. |
| Hít phải | : Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có. |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

LEMON-EZE

Độc tính

Sản phẩm

| | | |
|---|---|--|
| Độc tính cấp theo đường miệng | : | chưa có dữ liệu |
| Độc tính cấp do hít phải | : | chưa có dữ liệu |
| Độc tính cấp qua da | : | chưa có dữ liệu |
| Kích ứng/ấn mòn da | : | chưa có dữ liệu |
| Tổn thương mắt nghiêm trọng/làm rát tẩy mắt | : | chưa có dữ liệu |
| Nhạy cảm với hô hấp hoặc da | : | Không gây kích ứng da. Không gây kích thích hệ hô hấp. |
| Tác nhân gây ung thư | : | Không được phân loại là chất gây ung thư ở người. |
| Các ảnh hưởng tới sinh sản | : | Không có độc tính với sinh sản |
| Khả năng gây đột biến tế bào mầm | : | Thử nghiệm trên động vật không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến nào. |
| Độc tính gây quái thai | : | chưa có dữ liệu |
| STOT - Tiếp xúc một lần | : | Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ. |
| STOT - Tiếp xúc lặp lại | : | Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần. |
| Độc tính hô hấp | : | chưa có dữ liệu |

Thành phần

Độc tính cấp theo đường miệng : alpha-Alkyl(C12-13)-omega-hydroxypoly(oxyethylene)
LD50 Chuột: 7,560 mg/kg

Alkyl(C10-16)benzenesulfonic acid
LD50 Chuột: 890 mg/kg

Cồn Ethoxylate
LD50 Chuột: 4,044 mg/kg

Thành phần

Độc tính cấp qua da : alpha-Alkyl(C12-13)-omega-hydroxypoly(oxyethylene)
LD50 Thỏ: > 2,000 mg/kg

Cồn Ethoxylate
LD50 Thỏ: 2,108 mg/kg

Chất thử: Thông tin đưa ra được dựa vào các dữ liệu thu được từ các chất tương tự

Phần: 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc sinh thái

Tác động tới môi trường : Độc đối với sinh vật thủy sinh.

Sản phẩm

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

LEMON-EZE

Độc đối với cá : chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : chưa có dữ liệu

Độc đối với tảo : chưa có dữ liệu

Thành phần

Độc đối với cá : Alkyl(C10-16)benzenesulfonic acid
96 h LC50 Cá: 5.07 mg/l

Cồn Ethoxylate
96 h LC50 Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng): 5 mg/l

Thành phần

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : alpha-Alkyl(C12-13)-omega-hydroxypoly(oxyethylene)
48 h EC50: 0.37 mg/l

Cồn Ethoxylate
48 h EC50 Daphnia magna (Bọ nước): 2.5 mg/l

Thành phần

Độc đối với tảo : Cồn Ethoxylate
96 h EC50 Tảo đơn bào Pseudokirchneriella subcapitata (tảo đơn bào Selenastrum capricornutum): 1.4 mg/l

Độ bền và khả năng phân hủy

Dễ phân hủy sinh học.

Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Lưu động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

Phần: 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các phương pháp tiêu hủy : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vứt xuống đất. Trong trường hợp có thể, việc tái chế được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt. Nếu việc tái chế là không khả thi, hãy thải loại phù hợp với các quy định địa phương. Loại bỏ chất thải trong một cơ sở xử lý chất thải có giấy phép.

Các lưu ý về tiêu hủy : Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng. Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ. Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng. Thải bỏ phù hợp theo các Quy định của địa phương, bang và liên bang.

Phần: 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Người vận chuyển/người nhận hàng/người gửi hàng chịu trách nhiệm bảo đảm rằng loại bao bì, nhãn và ký hiệu là phù hợp với phương thức vận chuyển đã được chỉ định.

Vận tải mặt đất

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

LEMON-EZE

Hàng hóa không nguy hiểm

**Vận tải đường biển
(IMDG/IMO)**

Hàng hóa không nguy hiểm

Phần: 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH, VIỆT NAM

Luật Hóa chất (Luật số 06/2007/QH12)

Quy định Danh mục hàng nguy hiểm và Vận tải đường bộ hàng hóa nguy hiểm (104/2009/NĐ-CP)

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa Chất (Nghị Định số 113/2017/NĐ-CP)

Ghi nhãn hàng hoá (43/2017/NĐ-CP)

Ban hành Danh mục hàng nguy hiểm và Vận tải đường thủy nội địa (29/2005/ND-CP)

Thông tư: 32/2017/TT-BCT

Thông tư: 44/2012/TT-BCT

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

Thụy Sĩ. Các chất mới và các chất pha chế được khai báo. :

Công thức trên chứa các chất nằm trong danh sách Kiểm kê của Thụy Sĩ

Bảng thống kê TSCA của Mỹ :

Trong danh mục kiểm kê TSCA

Danh sách các chất nội địa của Canada :

Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều có trong Danh sách DSL do Canada ban hành

Úc. Luật hóa chất công nghiệp (Sự khai báo và đánh giá) :

Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

New Zealand. Bảng thống kê các loại hóa chất (NZIoC), được ban hành bởi ERMA New Zealand. :

chưa được xác định

Nhật Bản. ENCS - Bảng thống kê các hóa chất mới và hiện tại. :

chưa được xác định

Hàn Quốc - Bảng thống kê các hóa chất hiện tại của Hàn Quốc (KECI) :

Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Bảng thống kê các hóa chất và chất có tính hóa học của Philippines (PICCS) :

Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Trung Quốc. Bảng thống kê các hóa chất hiện tại. :

Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Tồn kho hóa chất của Đài Loan :

chưa được xác định

Phần: 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng phát hành đầu : 23.06.2021

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

LEMON-EZE

tiên

Ngày ban hành đầu tiên : 05.03.2017

Phiên bản : 1.3

Chuẩn bị bởi : Regulatory Affairs

THÔNG TIN ĐÃ SỬA ĐỔI: những thay đổi cần thiết đối với quy định hoặc thông tin sức khỏe của bản sửa này được chỉ theo một vạch bên lề trái của MSDS

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.